TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ - ST
Ngày 30/9/2022
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến và bà Trần Thị Hường

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt lần 02, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Đinh Văn T qua tự nguyện tìm hiểu đã về chung sống với nhau vào năm 1995, cho đến năm 2002 chị H anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 24/10/2002. Anh T chị H được gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, vợ chồng chung sống tại thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H cho rằng do anh T thường xuyên uống rượu, về chửi mắng, đánh đập vợ con, phá tán tài sản của gia đình, có lần anh T uống rượu say về có hành vi đốt nhà nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ

đầu năm 2022 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đinh Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đinh Thị Minh C, sinh năm 1998 và Đinh Đức T, sinh năm 2000, do các con đều đã đủ 18 tuổi nên chị H không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Văn T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh T), bà Hứa Thị T - Trưởng thôn PH, xã LP và Công an xã LP, xác định anh Đinh Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh T đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà T không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh T mới trở về gia đình, địa phương. Bà T có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Đinh Văn T biết về việc chị Lương Thị H có đơn xin ly hôn (thông tin cho anh T qua điện thoại di động).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị H, cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Đinh Văn T; về con chung: Các con Đinh Thị Minh C và Đinh Đức T đều đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị H không đề nghị giải quyết, nên không xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với anh Đinh Văn T; Anh Đinh Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Đinh Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn PH, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do, anh T đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đinh Văn T vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Đinh Văn T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn PH, xã LP được một thời gian, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, về chửi mắng, đánh đập vợ con, phá tán tài sản của gia đình và có lần anh T uống rượu say có hành vi đốt nhà nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đinh Văn T.

Qua xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 23/8/2022 (BL 54, 55) thấy rằng chị H và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đinh Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị H và anh T có 02 con chung là Đinh Thị Minh C, sinh năm 1998 và Đinh Đức T, sinh năm 2000, do các con đều đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị H không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Đinh Văn T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị H, cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Chị H đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005358 ngày 06/7/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Linh Phú (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh